

Số: 64 /BC-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 13 tháng 2 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả khảo sát lấy ý kiến của cựu sinh viên về tình hình việc làm và chương trình đào tạo của Học viện

Căn cứ Công văn số 2919/BGDĐT-GDDH ngày 10/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp; Thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025, Học viện đã triển Kế hoạch số 46/KH-HVTTNVN ngày 30/7/2024 về khảo sát lấy ý kiến của cựu sinh viên về tình hình việc làm và chương trình đào tạo của Học viện. Kết quả cụ thể như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH

- Nhằm thu nhận thông tin khách quan về các yếu tố của chương trình đào tạo: Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, khối lượng chương trình, tỷ lệ lý thuyết và thực hành từ cựu sinh viên sau 3 năm tốt nghiệp.
- Đánh giá chất lượng của đội ngũ giảng viên, phương pháp và thái độ giảng dạy; Đánh giá cách tổ chức, quản lý và phục vụ đào tạo.
- Cung cấp thông tin để Học viện điều chỉnh phương thức, kế hoạch, chương trình đào tạo.
- Phục vụ cho các hoạt động đánh giá cơ sở giáo dục của Học viện và các hoạt động khác có liên quan.

#### II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT

- Đối tượng khảo sát: Sinh viên đại học chính quy.
- Phạm vi khảo sát: Cựu sinh viên khoá 8

#### III. THỜI GIAN, HÌNH THỨC, CÔNG CỤ LẤY Ý KIẾN

1. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/8/2024 đến ngày 20/12/2024
2. Hình thức: Tiến hành khảo sát bằng phiếu khảo sát.
3. Công cụ thực hiện:
  - 3.1. Công cụ khảo sát:

- Khảo sát trực tiếp qua gọi điện thoại theo mẫu phiếu khảo sát.
- Bảng hỏi GoogleForm
- Nội dung lấy ý kiến khảo sát bao gồm:
  - + Các thông tin về cá nhân.
  - + Tình hình việc làm
  - + Đánh giá về chương trình đào tạo của Học viện.
  - + Một số nội dung khác.

3.2. Công cụ phân tích: Sau khi nhập dữ liệu, phần mềm SPSS được sử dụng để thống kê và phân tích ý kiến của sinh viên.

#### **IV. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KHẢO SÁT**

##### **1. Kết quả chung:**

- Tổng số phiếu phản hồi của cựu sinh viên khoá 8 là 290 phiếu. Trong đó:
  - Tỷ lệ nam/nữ sinh viên tham gia cho ý kiến:
    - + Số sinh viên nam cho ý kiến: 91/290 phiếu, đạt: 31,4%.
    - + Số sinh viên nữ cho ý kiến: 199/290 phiếu, đạt: 68,6%.
  - Tỷ lệ các ngành đào tạo tham gia cho ý kiến:
    - + Ngành Công tác Thanh thiếu niên: 49/290 phiếu, đạt: 16,9%.
    - + Ngành Công tác xã hội: 35/290 phiếu, đạt 12,1%.
    - + Ngành Luật: 103/290 phiếu, đạt 35,5%.
    - + Ngành Quản lý Nhà nước: 30/290 phiếu, đạt 10,3%.
    - + Ngành Xây dựng Đảng và CQNN: 25/290 phiếu, đạt 8,6%.
    - + Ngành Quan hệ công chúng: 48/290 phiếu, đạt 16,6%

##### **2. Kết quả cụ thể:**

*2.1. Tình hình việc làm của cựu sinh viên sau 3 năm tốt nghiệp nhận được kết quả như sau:*

TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)
1	Đang có việc làm	260/290 (90%)
2	Chưa có việc làm	30/290 (10%)

**2.2. Tỷ lệ cựu sinh viên có công việc đầu tiên ngay sau tốt nghiệp nhận được kết quả như sau:**

TT	Thời gian	Tỷ lệ (%)
1	Dưới 3 tháng	160/290 (55,1%)
2	Từ 3 tháng đến 6 tháng	76/290 (26,2%)
3	Từ 6 tháng đến 12 tháng	35/290 (12,1%)
4	Trên 12 tháng	19/290 (6,6%)

**2.3. Tỷ lệ cựu sinh viên làm việc theo ngành đào tạo nhận được kết quả như sau:**

TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)
1	Đúng ngành đào tạo	160/290 (55,1%)
2	Trái ngành đào tạo	130/290 (44,8%)

**2.4. Kết quả đánh giá về chương trình đào tạo, về kết quả đào tạo, về mức độ ứng dụng được những kỹ năng được đào tạo; kỹ năng, kiến thức, thái độ cần tăng cường cho sinh viên**

Theo thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không đồng ý; 2. Không đồng ý; 3. Cơ bản đồng ý; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý. Kết quả như sau:

TT	Nội dung	Mức độ đồng ý				
		1 (Tỷ lệ %)	2 (Tỷ lệ %)	3 (Tỷ lệ %)	4 (Tỷ lệ %)	5 (Tỷ lệ %)
<b>A. Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>						
1	Chương trình đào tạo (CTĐT) cân đối giữa kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành	7/290 (2,4%)	13/290 (4,5%)	69/290 (23,8%)	130/290 (44,8%)	71/290 (24,5%)
2	CTĐT giúp người học có khả năng thích nghi khi thay đổi môi trường làm việc	6/290 (2,1%)	18/290 (6,2%)	70/290 (24,1%)	122/290 (42,1%)	74/290 (25,5%)
3	CTĐT phát triển khả năng nghiên cứu của người học	6/290 (2,1%)	14/290 (4,8%)	73/290 (25,2%)	101/290 (34,8%)	96/290 (33,1%)
4	CTĐT rèn luyện tác phong làm việc của người học	6/290 (2,1%)	20/290 (6,9%)	62/290 (21,4%)	112/290 (38,6%)	90/290 (31%)
5	CTĐT giúp người học có khả năng học lên cao	7/290 (2,4%)	18/290 (6,2%)	67/290 (23,1%)	119/290 (41%)	79/290 (27,2%)
6	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	11/290 (3,8%)	14/290 (4,8%)	64/290 (22,1%)	112/290 (38,6%)	89/290 (30,7%)

7	Nội dung chương trình đào tạo được cập nhật đáp ứng nhu cầu xã hội	8/290 (2,4%)	18/290 (4,5%)	66/290 (23,8%)	125/290 (44,8%)	73/290 (24,5%)
8	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động	10/290 (3,4%)	21/290 (7,2%)	62/290 (21,4%)	124/290 (42,8%)	73/290 (25,2%)
9	Học viện có những hoạt động hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên	15/290 (5,2%)	25/290 (8,6%)	56/290 (19,3%)	110/290 (37,9%)	84/290 (29%)
10	Chương trình đào tạo đáp ứng được tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, triết lý giáo dục của Học viện	6/290 (2,1%)	12/290 (4,1%)	69/290 (23,8%)	132/290 (45,5%)	71/290 (24,5%)
11	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị văn hóa của Học viện đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của Anh/Chị	7/290 (2,4%)	13/290 (4,5%)	72/290 (24,8%)	130/290 (44,8%)	68/290 (23,4%)
12	Anh/Chị hài lòng với chất lượng đào tạo của Học viện	6/290 (2,1%)	14/290 (4,8%)	65/290 (22,4%)	110/290 (37,9%)	95/290 (32,8%)
13	Anh/Chị hài lòng về chất lượng phục vụ, hỗ trợ của Học viện	12/290 (4,1%)	18/290 (6,2%)	63/290 (21,7%)	122/290 (42,1%)	75/290 (25,9%)
14	Anh/Chị hài lòng về hoạt động hỗ trợ việc làm của Học viện	14/290 (4,8%)	18/290 (6,2%)	67/290 (23,1%)	120/290 (41,4%)	71/290 (24,5%)

#### **B. Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO CỦA HỌC VIỆN**

15	Bằng tốt nghiệp của Anh/Chị do Học viện cấp có lợi thế khi tìm việc làm	14/290 (4,8%)	20/290 (6,9%)	66/290 (22,8%)	125/290 (43,1%)	65/290 (22,4%)
16	Anh/Chị thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa	6/290 (2,1%)	8/290 (2,8%)	70/290 (24,1%)	121/290 (41,7%)	85/290 (29,3%)
17	Anh/Chị ứng dụng được kiến thức vào công việc thực tiễn	10/290 (3,4%)	10/290 (3,4%)	67/290 (23,1%)	113/290 (39%)	90/290 (31%)

#### **C. Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ VỀ MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG ĐƯỢC NHỮNG KỸ NĂNG ĐƯỢC ĐÀO TẠO**

18	Làm việc nhóm	10/290 (3,4%)	7/290 (2,4%)	63/290 (21,7%)	136/290 (46,9%)	74/290 (25,5%)
19	Lập kế hoạch	7/290 (2,4%)	14/290 (4,8%)	63/290 (21,7%)	133/290 (45,9%)	73/290 (25,2%)
20	Giao tiếp	7/290 (2,4%)	8/290 (2,8%)	52/290 (17,9%)	115/290 (39,7%)	108/290 (37,2%)
21	Giải quyết vấn đề	6/290 (2,1%)	12/290 (4,1%)	55/290 (19%)	133/290 (45,9%)	84/290 (29%)
22	Tư duy, sáng tạo	8/290 (2,4%)	12/290 (4,5%)	52/290 (23,8%)	130/290 (44,8%)	87/290 (24,5%)
23	Viết Curriculum Vitae (CV) xin việc	13/290 (4,5%)	19/290 (6,6%)	68/290 (23,4%)	102/290 (35,2%)	88/290 (30,3%)
24	Anh/Chị sử dụng thành thạo ngoại ngữ	14/290 (4,8%)	24/290 (8,3%)	82/290 (28,3%)	103/290 (35,5%)	67/290 (23,1%)

25	Anh/Chị sử dụng thành thạo tin học	6/290 (2,1%)	19/290 (6,6%)	71/290 (24,5%)	124/290 (42,8%)	70/290 (24,1%)
<b>D. Ý KIẾN GIÚP CẢI TIẾN KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, HỌC VIỆN CẦN TĂNG CƯỜNG KỸ NĂNG, KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ NÀO CHO SINH VIÊN</b>						
26	Kỹ năng giao tiếp	9/290 (3,1%)	5/290 (1,7%)	51/290 (17,6%)	125/290 (43,1%)	100/290 (34,5%)
27	Kỹ năng làm việc nhóm	8/290 (2,8%)	7/290 (2,4%)	47/290 (16,2%)	127/290 (43,8%)	101/290 (34,8%)
28	Kỹ năng tư duy sáng tạo, phân biện	9/290 (3,1%)	7/290 (2,4%)	41/290 (14,1%)	101/290 (34,8%)	132/290 (45,5%)
29	Kỹ năng thích ứng nhanh với môi trường làm việc	7/290 (2,4%)	7/290 (2,4%)	43/290 (14,8%)	128/290 (44,1%)	105/290 (36,2%)
30	Kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hóa	8/290 (2,8%)	4/290 (1,4%)	45/290 (15,5%)	131/290 (45,2%)	102/290 (35,2%)
31	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	10/290 (3,4%)	6/290 (2,1%)	46/290 (15,9%)	102/290 (35,2%)	126/290 (43,4%)
32	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	8/290 (2,8%)	6/290 (2,1%)	50/290 (17,2%)	115/290 (39,7%)	111/290 (38,3%)
33	Kiến thức chuyên môn	7/290 (2,4%)	7/290 (2,4%)	43/290 (14,8%)	126/290 (43,4%)	107/290 (36,9%)
34	Kiến thức liên ngành	8/290 (2,8%)	8/290 (2,8%)	44/290 (15,2%)	109/290 (37,6%)	121/290 (41,7%)
35	Kiến thức cơ bản về văn hóa - xã hội, khoa học - kỹ thuật	8/290 (2,8%)	6/290 (2,1%)	55/290 (19%)	112/290 (38,6%)	109/290 (37,6%)
36	Ý thức đạo đức nghề nghiệp	9/290 (3,1%)	4/290 (1,4%)	43/290 (14,8%)	125/290 (43,1%)	109/290 (37,6%)
37	Tinh thần hợp tác	7/290 (2,4%)	7/290 (2,4%)	47/290 (16,2%)	105/290 (36,2%)	124/290 (42,8%)
38	Tôn trọng sự khác biệt	8/290 (2,8%)	7/290 (2,4%)	41/290 (14,1%)	124/290 (42,8%)	110/290 (37,9%)
39	Ý thức an toàn lao động	8/290 (2,8%)	6/290 (2,1%)	44/290 (15,2%)	127/290 (43,8%)	105/290 (36,2%)

## **2.2. Kết quả khảo sát một số nội dung khác:**

*2.2.1 Học viện cần tăng cường các hoạt động nào để giúp sinh viên tốt nghiệp ra trường tìm kiếm được việc làm?*

- Xây dựng mạng lưới cựu sinh viên: Tạo ra một cộng đồng cựu sinh viên để hỗ trợ, kết nối và giới thiệu cơ hội việc làm cho sinh viên mới ra trường; Đào tạo kỹ năng mềm nhiều hơn để sinh viên có thể tự tin khi đi phỏng vấn.

- Tổ chức các khóa học kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp; Mở rộng quan hệ với doanh nghiệp và thị trường lao động. Định kỳ tổ chức các ngày hội

việc làm và hội thảo hướng nghiệp; Xây dựng hệ thống tư vấn nghề nghiệp và hỗ trợ sinh viên; Cập nhật chương trình đào tạo phù hợp với thị trường lao động.

- Bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành và kỹ năng tiếng Anh; Giới thiệu/phân công đơn vị thực tập cụ thể để kết quả thực tập của sinh viên sát với năng lực nhất, từ đó có phương án chung để cải thiện, bồi dưỡng kiến thức phù hợp.

- Có nhiều hoạt động hay như sự kiện hoặc talkshow chia sẻ, định hướng để có thể khám phá cũng như phát huy hết tiềm năng để khi bước ra khỏi cánh cổng đại học biết mình nên làm gì, và làm gì sẽ tốt.

### ***2.2.2. Điều gì anh/chị hài lòng nhất trong thời gian học tại trường***

- Được giao lưu học hỏi với nhiều môi trường khác nhau; được học lý luận với thực tiễn.

- Có thể chia sẻ được cả kiến thức chuyên môn song song với trải nghiệm thực tế việc làm.

- Cơ hội phát triển kỹ năng lãnh đạo: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam chú trọng đào tạo kỹ năng lãnh đạo, giúp sinh viên phát triển khả năng tổ chức, quản lý nhóm và giao tiếp hiệu quả. Đây là những kỹ năng quan trọng mà sinh viên có thể áp dụng trong công việc sau này, đặc biệt trong các môi trường đòi hỏi sự chủ động và tinh thần trách nhiệm cao.

- Thầy cô bộ môn luôn luôn tạo điều kiện, đổi mới cách học, cách tiếp cận với kiến thức, cho hoạt động nhóm nhiều, kiểm tra thường xuyên để lấy điểm tốt, bạn bè, anh chị em các khoá vui vẻ giúp đỡ lẫn nhau.

### ***2.2.3. Điều gì anh/chị không hài lòng nhất trong thời gian học tại trường và vui lòng đề xuất giải pháp cải tiến***

- Cập nhật lại chương trình học: Nhà trường có thể định kỳ đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo để bám sát hơn với yêu cầu của thị trường lao động.

- Tăng cường các hoạt động thực hành: Các môn học có thể lồng ghép nhiều bài tập tình huống, dự án nhóm, hoặc các chương trình thực tập ngắn hạn ngay trong học kỳ.

- Mở rộng chương trình thực tập: Trường có thể liên kết nhiều hơn với các doanh nghiệp để tạo điều kiện cho sinh viên tham gia thực tập từ sớm, hoặc triển khai "học kỳ doanh nghiệp."

- Linh hoạt trong thời gian và cách thức học tập: Với các môn học mang tính lý thuyết cao, trường có thể áp dụng hình thức học trực tuyến, cung cấp tài liệu học linh hoạt hơn, hoặc tổ chức các buổi học tập trung ngắn hạn.

- Bất cập trong công tác công bố điểm số, lịch học, giải đáp thắc mắc, hướng nghiệp cho sinh viên ở hệ vừa học vừa làm.

- Chỗ để xe ít, không có mái che. Thang máy đông

**Nơi nhận:**

- Hội đồng, Ban GD Học viện (để b/c);
- Các đơn vị (để t/h);
- Lưu TC-HC.



**GIÁM ĐỐC**

**TS. Nguyễn Hải Đăng**